

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN  
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2020/DS-ST

Ngày 01-12-2020

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN-TP. ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tuấn Ngọc  
Ông Huỳnh Bá Tiên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng** tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Tâm- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2020/TLST- DS ngày 09 tháng 3 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2020/QĐST-DS ngày 04/11/2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP SG

Trụ sở: Lầu 8, số 266-268 đường N, phường 8, quận 3, TP Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền ( theo Giấy ủy quyền số ngày 4292/2019/GUQ-PL ngày 30/12/2019 và Giấy ủy quyền số 51/2020/UQ-TTT ):* Ông Trương Đình V, chức vụ: Nhân viên Ngân hàng TMCP SG (có mặt)

Địa chỉ: Ngân hàng TMCP SG chi nhánh Sông Hàn, số 240 đường N, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

**- Bị đơn:** Ông **Đậu Đình C**, sinh năm: 1979(vắng mặt).

Địa chỉ: Số 36 đường M, phường M, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện; các bản tự khai, trình bày; các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP SG ông Trương Đình V trình bày:*

Ngày 26/02/2013, ông Đậu Đình C có ký với Ngân hàng TMCP SG Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được thể hiện bằng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, Ngân hàng đã cung cấp có trong hồ sơ vụ án. (ông C ký đề nghị ngày 22/01/2013 và được Ngân hàng phê duyệt chấp nhận vào ngày 26/02/2013).

Căn cứ vào thu nhập của ông C, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 50.000.000đ với mục đích tiêu dùng cá nhân cho ông C. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông C đã thực hiện các giao dịch rút tiền với tổng số tiền là 89.600.000đ (số tiền thực hiện giao dịch 89.600.000đ này gồm cả tiền ông C vay của Ngân hàng và tiền của cá nhân ông C có trong thẻ). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 52.100.000đ (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông C vẫn không có thiện chí trả nợ cho ngân hàng. Do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên vào ngày 23/02/2014, Ngân hàng chúng tôi đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ thẻ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Theo thỏa thuận hợp đồng, ông C vay theo hình thức tín chấp; thời hạn vay theo hạn mức của thẻ tín dụng (không có thời hạn); ngày vay tính từ ngày 26/02/2013; lãi suất thỏa thuận trong hạn là 2,5%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn và tính từ 23/02/2014 (ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông C do ông đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng) trên số tiền gốc 53.969.019đ (mức lãi 3,75%/tháng).

Mặc dù thời hạn hợp đồng chưa hết nhưng do ông C vi phạm thỏa thuận về thanh toán được quy định tại Điều 2 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng nên chúng tôi khởi kiện buộc ông C phải thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Số tiền ông C đã thực hiện giao dịch rút qua thẻ trong 02 lần, cụ thể:

Ngày 20/3/2020 rút số tiền 85.500.000đ

Ngày 20/4/2020 rút số tiền 4.100.000đ

Quá trình vay, ông C đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền nợ gốc, tiền lãi và các loại phí là 52.100.000đ ( thanh toán từ ngày 20/3/2013 đến ngày 22/11/2013).

Như vậy, số tiền gốc bắt đầu được tính vào ngày 22/01/2014 là: 52.100.000đ (tiền thanh toán) - 202.000đ (tiền phí) - 301.434đ (phí VHM) - 1.621.999đ (phí trễ hạn) - 14.343.594đ (lãi trong hạn) - 89.600.000đ (số tiền giao dịch rút trong thẻ) = 53.969.019đ (số tiền gốc còn lại chưa thanh toán của ông C). Và tiền lãi suất quá

hạn được tính từ ngày 23/02/2014 với mức lãi suất 3,75% trên số tiền gốc 53.969.019đ.

Theo nội dung đơn khởi kiện thì Ngân hàng TMCP SG khởi kiện yêu cầu ông Đậu Đình C phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 02/12/2019: 196.244.268đ (Một trăm chín mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi bốn ngàn, hai trăm sáu mươi tám đồng) trong đó tiền nợ gốc là 53.969.019đ, tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 02/12/2019 là 142.275.249đ và đề nghị Tòa án buộc bị đơn ông C tiếp tục có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 03/12/2019 cho đến khi trả dứt điểm khoản tiền nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng

Tuy nhiên, tính đến thời điểm ngày 01/12/2020 (ngày xét xử) thì số tiền nợ gốc và nợ lãi mà Ngân hàng chúng tôi yêu cầu ông C phải thanh toán có tăng thêm, cụ thể: Nợ gốc: 53.969.019đ; Nợ lãi: 166.898.514đ (lãi quá hạn tính từ ngày 23/02/2014 đến ngày 01/12/2020) Tổng cộng nợ gốc và lãi mà Ngân hàng chúng tôi yêu cầu ông C phải thanh toán là: 220.867.533đ.

Để bảo vệ quyền lợi cho Ngân hàng, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông Đậu Đình C phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 01/12/2020 là: 220.867.533đ và tiếp tục thanh toán lãi vay cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng.

*\*Bị đơn ông Đậu Đình C đã được Tòa án tiến hành tổng đạt bằng cách niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa để ông C trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng cho đến ngày mở phiên tòa hôm nay ông C vẫn vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.*

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo trừ bị đơn ông Đậu Đình C.

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đến tại địa chỉ cư trú của ông Đậu Đình C và quá trình xác minh thể hiện ông C vẫn còn hộ khẩu thường trú tại địa chỉ Số 36 đường M, phường M, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng nhưng ông C đã bán nhà chuyển đi nơi khác không rõ, ông C không thông báo lại địa chỉ mới cho Ngân hàng thì được coi là cố tình giấu địa chỉ để trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ bằng hình thức niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Đậu Đình C nhưng ông C vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn ông Đậu Đình C.

Về nội dung: Căn cứ quy định tại Điều 357, 418, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SG đối với ông Đậu Đình C. Buộc ông Đậu Đình C phải trả cho Ngân hàng TMCP SG số tiền 220.867.533đ ( Hai trăm hai mươi triệu, tám trăm sáu mươi bảy ngàn, năm trăm ba mươi ba đồng). Trong đó nợ gốc là 53.969.019đ; Nợ lãi tính từ ngày 23/02/2014 đến ngày xét xử 01/12/2020: 166.898.514đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm ông C phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Ngân hàng TMCP SG

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:*

*[1] Về thủ tục tố tụng:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đến tại địa chỉ cư trú của ông Đậu Đình C và quá trình xác minh thể hiện ông C vẫn còn hộ khẩu thường trú tại địa chỉ Số 36 đường M, phường M, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng nhưng ông C đã bán nhà chuyển đi nơi khác không rõ, ông C không thông báo lại địa chỉ mới cho Ngân hàng thì được coi là cố tình giấu địa chỉ để trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do vậy, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ bằng hình thức niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Đậu Đình C nhưng ông C vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn ông Đậu Đình C.

*[2] Về nội dung:*

[2.1] Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP SG yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Đậu Đình C phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 02/12/2019: 196.244.268đ (Một trăm chín mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi bốn ngàn, hai trăm sáu mươi tám đồng) trong đó tiền nợ gốc là 53.969.019đ, tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 02/12/2019 là 142.275.249đ và đề nghị Tòa án buộc bị đơn ông C tiếp tục có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 03/12/2019 cho đến khi trả dứt điểm khoản tiền nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng xác định lại số tiền nợ gốc, nợ lãi mà Ngân hàng TMCP SG yêu cầu ông C phải thanh toán tính đến ngày xét xử 01/12/2020 cụ thể là: Nợ gốc: 53.969.019đ; Nợ lãi: 166.898.514đ (lãi quá hạn tính từ ngày 23/02/2014 đến ngày 01/12/2020) Tổng cộng nợ gốc và lãi mà Ngân hàng yêu cầu ông C phải thanh toán là: 220.867.533đ.

HĐXX xét thấy:

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đến tại địa chỉ cư trú của ông Đậu Đình C và quá trình xác minh thể hiện ông C vẫn còn hộ khẩu thường trú tại địa chỉ

Số 36 đường M, phường M, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng. nhưng ông C đã bán nhà chuyển đi nơi khác không rõ, ông C không thông báo lại địa chỉ mới cho Ngân hàng thì được coi là cố tình giấu địa chỉ để trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ bằng hình thức niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Đậu Đình C để đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông C vẫn cố tình trốn tránh, không đến Tòa án theo triệu tập do vậy ông C không có lời khai cung cấp cho Tòa án được.

[2.3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 26/02/2013, ông Đậu Đình C có ký với Ngân hàng TMCP SG Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được thể hiện bằng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, Ngân hàng đã cung cấp có trong hồ sơ vụ án. (ông C ký đề nghị ngày 22/01/2013 và được Ngân hàng phê duyệt chấp nhận vào ngày 26/02/2013).

Theo thỏa thuận hợp đồng, ông C vay theo hình thức tín chấp; thời hạn vay theo hạn mức của thẻ tín dụng (không có thời hạn); ngày vay tính từ ngày 26/02/2013; lãi suất thỏa thuận trong hạn là 2,5%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn (3,75%/tháng), mục đích vay tiêu dùng.

Từ ngày 20/3/2013 đến ngày 20/4/2013, ông C đã thực hiện các giao dịch rút tiền trong tài khoản với tổng số tiền là 89.600.000đ (Ngày 20/3/2013 rút số tiền 85.500.000đ; Ngày 20/4/2013 rút số tiền 4.100.000đ. Số tiền thực hiện giao dịch rút 89.600.000đ này gồm cả tiền ông C vay của Ngân hàng và tiền của cá nhân ông C có trong thẻ).

Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng ông C mới chỉ thanh toán cho Ngân hàng TMCP SG được tổng cộng số tiền nợ gốc, tiền lãi và các loại phí là 52.100.000đ ( thanh toán từ ngày 20/3/2013 đến ngày 22/11/2013).

Như vậy, số tiền gốc bắt đầu được tính vào ngày 22/01/2014 là: 52.100.000đ (tiền thanh toán) - 202.000đ (tiền phí) - 301.434đ(phí VHM) - 1.621.999đ (phí trễ hạn) - 14.343.594đ (lãi trong hạn) - 89.600.000đ (số tiền giao dịch rút trong thẻ) = 53.969.019đ (số tiền gốc còn lại chưa thanh toán của ông C). Và tiền lãi suất quá hạn được tính từ ngày 23/02/2014 với mức lãi suất 3,75% trên số tiền gốc 53.969.019đ.

Mặc dù thời hạn hợp đồng chưa hết nhưng do ông C vi phạm thỏa thuận về thanh toán được quy định tại Điều 2 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng nên việc Ngân hàng TMCP SG chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và bắt đầu tính lãi suất quá hạn đối với số tiền nợ gốc của ông C kể từ thời điểm ngày 23/02/2014 với mức lãi suất 3,75%/ tháng và Ngân hàng khởi kiện để yêu cầu ông C phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng tính đến thời điểm xét xử là phù hợp quy định tại Điều 428 Bộ luật Dân sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng xác định lại số tiền nợ gốc và lãi mà Ngân hàng TMCP SG khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Đậu Đình C phải thanh toán tính đến ngày 01/12/2020 (ngày xét xử) là: Nợ gốc: 53.969.019đ; Nợ lãi: 166.898.514đ (lãi quá hạn tính từ ngày 23/02/2014 đến ngày 01/12/2020) Tổng cộng nợ gốc và lãi mà Ngân hàng yêu cầu ông C phải thanh toán là: 220.867.533đ.

[2.4] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. HĐXX thấy có đủ cơ sở để áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SG, buộc ông Đậu Đình C phải trả cho Ngân hàng TMCP SG số tiền 220.867.533đ (trong đó nợ gốc 53.969.019đ; nợ lãi tính từ ngày 23/02/2014 đến ngày 01/12/2020: 166.898.514đ) là đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Kể từ ngày 02/12/2020, ông C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được thể hiện bằng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 26/02/2013 được ký kết giữa ông Đậu Đình C với Ngân hàng TMCP SG cho đến khi ông C thanh toán xong khoản nợ gốc.

[2.5] Án phí dân sự sơ thẩm ông C phải chịu là 11.043.376đ (Mười một triệu, không trăm bốn mươi ba ngàn, ba trăm bảy mươi sáu đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 4.906.106đ cho Ngân hàng TMCP SG.

[2.6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng đề nghị:

- Căn cứ quy định tại Điều 357, 418, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SG đối với ông Đậu Đình C. Buộc ông C phải trả cho Ngân hàng TMCP SG số tiền 220.867.533đ (Hai trăm hai mươi triệu, tám trăm sáu mươi bảy ngàn, năm trăm ba mươi ba đồng). Trong đó nợ gốc là 53.969.019đ; Nợ lãi tính từ ngày 23/02/2014 đến ngày xét xử 01/12/2020: 166.898.514đ. Ông C còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 02/12/2020 theo mức lãi các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi ông C thanh toán xong nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm ông C phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Ngân hàng TMCP SG.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ:* - Điều 357, 428, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;  
- Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;  
- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019  
- Điều 147, khoản 2 Điều 227, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;  
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SG đối với ông Đậu Đình C về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

- Buộc ông Đậu Đình C phải trả cho Ngân hàng TMCP SG số tiền 220.867.533đ ( Hai trăm hai mươi triệu, tám trăm sáu mươi bảy ngàn, năm trăm ba mươi ba đồng). Trong đó nợ gốc là 53.969.019đ; nợ lãi tính từ ngày 23/02/2014 đến ngày xét xử 01/12/2020: 166.898.514đ.

Kể từ ngày 02/12/2020, ông Đậu Đình C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được thể hiện bằng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 26/02/2013 được ký kết giữa ông Đậu Đình C với Ngân hàng TMCP SG cho đến khi ông C thanh toán xong khoản nợ gốc.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đậu Đình C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.043.376đ (Mười một triệu, không trăm bốn mươi ba ngàn, ba trăm bảy mươi sáu đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP SG số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 4.906.106đ đã nộp theo biên lai thu số 0009842 ngày 04/3/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ngũ Hành Sơn.

III. Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

IV. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng ông Đậu Đình C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thanh Nga**